

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 738 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Gia Lai, ngày 19 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2337/TTr-STNMT ngày 22 tháng 9 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CNXD, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI PHÓ CHỦ TỊCH**



Kpã Thuyên

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016
của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện
Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 738 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2017 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (sau đây gọi tắt là Thỏa thuận Paris) được thông qua tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 21 (COP 21), là văn bản pháp lý toàn cầu đầu tiên ràng buộc trách nhiệm của tất cả các Bên trong ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH). Trách nhiệm này đã được các Bên cam kết thông qua “Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết” INDC.

Sau khi Thỏa thuận Paris có hiệu lực ngày 04/11/2016, INDC đã chính thức trở thành đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC, bỏ cụm từ dự kiến). Các quốc gia có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các cam kết của mình trong NDC kể từ năm 2021 trở đi. Các quốc gia được yêu cầu đệ trình bản mới hoặc bản cập nhật NDC của mình tới Ban thư ký Công ước Khung của Liên hợp quốc về BĐKH trước tháng 3 năm 2020.

Là một trong những quốc gia chịu nhiều tác động của BĐKH, Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều giải pháp ứng phó với BĐKH thông qua xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh (TTX). Đây là những định hướng chiến lược nhằm giải quyết các vấn đề BĐKH một cách căn cơ, bài bản trong nhiều thập kỷ tiếp theo và là nội dung chủ đạo khi xây dựng cam kết nêu trong INDC của Việt Nam trình Liên Hợp Quốc tháng 9 năm 2015.

Sau khi Việt Nam phê duyệt Thỏa thuận Paris ngày 21/10/2016, INDC của Việt Nam chính thức trở thành NDC và Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện từ năm 2021 trở đi. NDC của Việt Nam gồm hai hợp phần chính là giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) và thích ứng với BĐKH.

Về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK), Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2030, bằng nguồn lực trong nước, sẽ giảm 8% tổng lượng phát thải KNK so với kịch bản phát triển thông thường và có thể tăng lên thành 25% khi nhận được hỗ trợ quốc tế thông qua hợp tác song phương, đa phương và thực hiện các cơ chế mới trong Thỏa thuận khí hậu toàn cầu. Đóng góp về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của Việt Nam sẽ định kỳ được xem xét, đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện phát triển - xã hội từng thời kỳ.

Về thích ứng với biến đổi khí hậu, Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án thích ứng với BĐKH trong khuôn khổ Chiến lược quốc gia về BĐKH nhằm tăng cường khả năng chống chịu, bảo vệ cuộc sống và sinh kế cho người dân, tạo điều kiện để có đóng góp lớn hơn trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Việc triển khai thực hiện Thỏa thuận Paris tại Việt Nam thực chất và chủ yếu tập trung triển khai thực hiện NDC. Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris của Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ pháp lý:

Việc xây dựng Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH của tỉnh Gia Lai dựa trên các cơ sở pháp lý sau:

- Nghị quyết số 24/NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020;

- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về Phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 08/NQ-CP năm 2014 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24/NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐKH;

- Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh;

- Quyết định số 1775/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án quản lý phát thải khí nhà kính gây hiệu ứng nhà kính, quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới;

- Quyết định số 2359/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Hệ thống quốc gia về kiểm kê khí nhà kính;

- Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH;

- Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/12/2011 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại phiên họp lần thứ VIII Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu (Thông báo số 278/TB-VPCP ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ), trong đó có nội dung xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế

hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện với nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Quán triệt sâu, rộng chủ trương, giải pháp, nội dung của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu đến các cấp chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Huy động mọi nguồn lực của xã hội, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm góp phần cùng cả nước đạt được mục tiêu theo kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

- Tuyên truyền, phổ biến, phát huy vai trò, trách nhiệm của toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trong việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai.

- Xác định được các hoạt động cụ thể và giải pháp thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

- Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh, tiến tới nền các bon thấp, phát triển bền vững; phòng, tránh và giảm thiểu những hiểm họa do biến đổi khí hậu gây ra, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

2. Yêu cầu:

a. Các nhiệm vụ trong kế hoạch của tỉnh phải bám sát nội dung Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 20/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của địa phương.

b. Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch phải đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn gắn với phát triển kinh tế nhằm đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển nền kinh tế bền vững, phát triển các ngành nông nghiệp, dịch vụ xanh, phát triển công nghiệp hạ tầng bền vững.

c. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phải chủ động tăng cường mối quan hệ tìm kiếm, kêu gọi hợp tác đầu tư và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch này.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

Xây dựng và thực hiện đề xuất giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh phù hợp với điều kiện địa phương cho lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông nghiệp.

a. Tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Lòng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương.

- Hoàn thiện và tăng cường thể chế:

+ Tăng cường sự tham gia của toàn hệ thống chính trị trong tổ chức chỉ đạo, phối hợp liên ngành về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý các vấn đề biến đổi khí hậu từ cấp tỉnh đến cấp xã.

+ Nghiên cứu xây dựng đồng bộ các cơ chế, chính sách, pháp luật về BĐKH phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tỉnh, hài hòa với các chính sách của quốc gia, toàn cầu và các điều ước quốc tế về BĐKH mà Việt Nam tham gia.

+ Xây dựng đồng bộ các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, các nhà khoa học vào các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

+ Thiết lập các cơ chế hỗ trợ cộng đồng dân cư, khuyến khích các tổ chức phi chính phủ tham gia vào các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

b. Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng.

- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, ứng dụng năng lượng tái tạo trong khu vực dân cư, thương mại và dịch vụ.

- Phát triển vận tải hành khách công cộng, đặc biệt là phương thức vận tải nhanh trong khu vực đô thị.

- Xây dựng định mức tiêu chuẩn về suất tiêu hao nhiên liệu, lộ trình loại bỏ các công nghệ cũ, lạc hậu, tiêu tốn nhiên liệu ra khỏi hệ thống sản xuất và sử dụng năng lượng.

c. Thay đổi cơ cấu nhiên liệu trong công nghiệp và giao thông vận tải.

- Thay đổi cơ cấu nguồn năng lượng theo hướng giảm năng lượng từ nguồn nhiên liệu hóa thạch, khuyến khích khai thác sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, ít phát thải khí nhà kính.

- Tăng cường đầu tư các phương tiện giao thông sử dụng điện; nghiên cứu xây dựng lộ trình chuyển đổi dần phương tiện sử dụng xăng, dầu sang sử dụng điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng mặt trời.

d. Đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng.

- Khuyến khích người dân áp dụng các công nghệ thích hợp để giảm khí thải nhà kính từ việc sử dụng nhiên liệu như sử dụng hầm biogas trong chăn nuôi để tận thu khí CH_4 phục vụ cho đun nấu, sử dụng bếp đun cải tiến, đèn tiết kiệm điện, các phương tiện giao thông ít phát thải khí nhà kính.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, hoàn thiện các chính sách về giảm phát thải khí CO_2 trong hoạt động nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, hàng không.

- Lồng ghép các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong quá trình lập, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy sử dụng tiết kiệm năng lượng, phát triển sử dụng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo.

e. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thông qua phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả và tính cạnh tranh trong sản xuất nông nghiệp.

- Nghiên cứu phát triển các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và chế biến lương thực, thực phẩm.

- Nghiên cứu, áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên đất, nước và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp.

- Phổ biến rộng rãi công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế thải trong sản xuất nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, trồng nấm, làm nguyên liệu công nghiệp và khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ thay thế cho phân vô cơ.

- Nghiên cứu, hợp tác xây dựng các mô hình giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

f. Quản lý và phát triển rừng bền vững, tăng cường hấp thụ các-bon và dịch vụ môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển sinh kế và nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư phụ thuộc vào rừng.

- Rà soát, xác định các vùng, đối tượng, diện tích đưa vào thực hiện quản lý rừng bền vững, trồng rừng và phục hồi rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó đặc biệt ưu tiên đến các vùng có diện tích rừng lớn và có tầm quan trọng đối với phát triển sản xuất lâm nghiệp và sinh kế của cộng đồng và người dân địa phương.

- Xây dựng và hoàn thiện các chính sách thúc đẩy quản lý rừng bền vững; các cơ chế, chính sách thu hút và khuyến khích đầu tư của khối tư nhân vào các hoạt động quản lý rừng bền vững, trồng rừng, phục hồi rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển sinh kế.

- Lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong nước và tài trợ quốc tế trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án có liên quan về quản lý, phát triển rừng, phát triển sinh kế và bảo tồn đa dạng sinh học như: REDD+, Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES)...

- Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế để kêu gọi đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về quản lý và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển sinh kế.

- Ưu tiên thực hiện các dự án trồng và khôi phục rừng phòng hộ, tăng cường các biện pháp làm giàu rừng bằng các loài cây bản địa, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng thâm canh cung cấp gỗ lớn.

- Thực hiện lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng, thông qua phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng kiến thức bản địa tại khu vực vùng lõi và vùng đệm, ưu tiên cộng đồng dễ bị tổn thương nhất.

- Thực hiện chương trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon và tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư.

g. Quản lý chất thải rắn, nước thải.

- Quy hoạch quản lý và tăng cường năng lực quản lý chất thải; giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải.

- Nghiên cứu và triển khai các công nghệ xử lý chất thải tiên tiến; ứng dụng công nghệ xử lý rác thải hiện đại cho các khu đô thị và vùng nông thôn; tăng cường năng lực quản lý, xử lý nước thải công nghiệp và sinh hoạt.

- Thu gom rác và đầu tư, xây dựng thiết bị đốt chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp hiện đại.

h. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Khuyến khích và hỗ trợ kỹ thuật để người dân, cộng đồng triển khai và mở rộng quy mô các mô hình sản xuất và tiêu dùng tiết kiệm, an toàn, thân thiện với khí hậu.

- Khuyến khích và hỗ trợ các cộng đồng dân cư phát triển mô hình đô thị sinh thái, nông thôn xanh, mô hình nhà ở xanh, mô hình phân loại rác thải tại nguồn theo phương pháp giảm thiểu - tái chế - tái sử dụng (3R), cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho cán bộ các cấp, người lao động, cộng đồng dân cư về biến đổi khí hậu, tác động của biến đổi khí hậu và những hành động cần thiết nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong mọi hoạt động của con người.

i. Tăng cường hợp tác quốc tế.

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi thông tin về xây dựng, thực hiện chính sách và triển khai các nội dung cơ bản của các chiến lược, chính sách về biến đổi khí hậu (BĐKH);

- Tranh thủ sự hỗ trợ của các nước và tổ chức quốc tế về tài chính, nâng cao năng lực và công nghệ trong thực hiện các chiến lược, chính sách về BĐKH.

- Tạo thuận lợi trong hợp tác quốc tế để thực hiện đầu tư trực tiếp (FDI) về biến đổi khí hậu.

2. Thích ứng với biến đổi khí hậu:

Để thích ứng với biến đổi khí hậu xảy ra trên địa bàn tỉnh, cần tăng cường và nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng phát triển bền vững. rà soát quy hoạch lại tổng thể phát triển kinh tế, đặc biệt là các ngành có tác động nhiều tới tài nguyên, môi trường, hiệu quả sử dụng tài nguyên, từ đó đưa ra hướng sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải một cách có hiệu quả vào các quy hoạch hiện có và quy hoạch mới.

a. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao với mục tiêu sản xuất sạch, tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, tạo giống, các loại hình dịch vụ kỹ thuật, chú trọng dịch vụ giống nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp theo hướng chất lượng cao và bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện môi trường, góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường, chủ động kiểm soát, khống chế dịch bệnh; phát triển đàn gia súc, gia cầm theo hướng tập trung và an toàn sinh học.

- Đẩy mạnh công tác trồng rừng, phục hồi rừng, xúc tiến tái sinh và làm giàu rừng trên các vùng đất quy hoạch lâm nghiệp. Quản lý bảo vệ rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng để tăng lượng hấp thu carbon và loại bỏ phát thải khí nhà kính. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên rừng, phòng chống cháy rừng.

- Tăng cường hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu sản xuất và phòng chống thiên tai. Cải tạo hệ thống kênh mương chống thất thoát nước, quản lý và bảo vệ đê, kè, chống sạt lở bờ sông, kênh mương, sạt lở đất nhằm giảm thiệt hại do thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, lũ lụt, xói lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn đạt các tiêu chí nông thôn mới, chú trọng phát triển giao thông kết hợp với thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b. Sở Công Thương:

- Tập trung xây dựng và phát triển công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị, lợi thế cạnh tranh, đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm các ngành công nghiệp hiện có, nhất là Khu công nghiệp Trà Đa và các cụm công nghiệp, trung tâm công nghiệp hiện có trong tỉnh.

- Đẩy mạnh thực hiện công tác quản lý Nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tăng cường giáo dục, tuyên truyền phổ biến thông tin, vận động cộng đồng nâng cao ý thức, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, từng bước loại bỏ các trang thiết bị hiệu suất thấp gây phát thải khí nhà kính.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng phát triển năng lượng gió, điện mặt trời, điện sinh khối, khí chôn lấp rác thải, khí sinh học, ...

- Phối hợp với các nhà cung cấp sản phẩm tiết kiệm năng lượng có uy tín, chất lượng, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng nhằm giảm chi phí sản xuất

và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về tiết kiệm năng lượng trên địa bàn tỉnh.

c. Sở Giao thông vận tải:

- Tăng cường đầu tư nâng cấp hệ thống, mạng lưới giao thông đường bộ theo hướng tiết kiệm tiêu hao năng lượng, có hiệu quả về kinh tế, môi trường, xã hội, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu đi lại, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển hành khách, hàng hóa và giao lưu giữa tỉnh Gia Lai với các tỉnh, thành phố trong cả nước.

- Nâng cao chất lượng kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện cơ giới đường bộ tham gia giao thông; trong đó, tiêu chuẩn về khí thải phải được kiểm chứng nghiêm ngặt và đảm bảo theo quy định hiện hành; khuyến khích và vận động chủ phương tiện tham gia giao thông sử dụng các nguồn năng lượng, nhiên liệu sạch, tái chế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và thân thiện với môi trường.

d. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, áp dụng các công cụ kinh tế, hành chính để xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường; rà soát, thống kê các nguồn thải lớn của các ngành sản xuất phát sinh chất thải lớn gây ô nhiễm môi trường và khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới các quy trình công nghệ, áp dụng công nghệ sản xuất xanh, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Tăng cường quản lý khai thác tài nguyên một cách bền vững, rà soát và quy hoạch các khu vực khai thác khoáng sản, giám sát chặt chẽ việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến khuyến khích thực hiện công nghệ tái chế, sử dụng lại một số chất thải, hướng tới giảm thiểu tối đa lượng chất thải phải xử lý bằng cách chôn lấp, khuyến khích tái chế các loại rác thải đô thị và rác thải công nghiệp thành năng lượng, vật liệu xây dựng và phân bón vi sinh.

đ. Sở Xây dựng:

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện các giải pháp xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Khuyến khích các đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công áp dụng công nghệ mới, các nguyên liệu thay thế, sản phẩm mới thân thiện với môi trường.

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, cải tạo chỉnh trang đô thị hiện hữu đảm bảo về giao thông, cảnh quan, vệ sinh môi trường chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu, rà soát và điều chỉnh quy hoạch xây dựng đô thị, điểm dân cư nông thôn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu vực chịu ảnh hưởng bởi thiên tai (lũ, lụt, sạt lở đất).

- Nghiên cứu các giải pháp ứng phó có hiệu quả đối với biến đổi khí hậu trong công tác cải tạo, xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật đô thị, điểm dân cư nông thôn và khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm công nghiệp (*hệ thống cấp thoát nước đô thị, giao thông, chiếu sáng, ...*);

- Đề xuất các giải pháp quản lý giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp nhằm giảm phát thải gây hiệu ứng nhà kính, áp

dụng khoa học công nghệ để xử lý nước thải, rác thải cho các đô thị và các điểm dân cư nông thôn.

e. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất bố trí các nguồn lực (kể cả nguồn vốn đầu tư phát triển tập trung, nguồn vốn ODA và nguồn vốn biến đổi khí hậu) để bố trí cho nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kiểm tra phân khai vốn và không để xảy ra tình trạng vốn không được giải ngân.

f. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn bố trí, phân bổ các nguồn lực cho các nhiệm vụ ứng phó với BĐKH.

- Xây dựng cơ chế, chính sách tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh.

i. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát bố trí nguồn lực triển khai thực hiện các Chương trình khoa học và công nghệ ứng phó với BĐKH, đưa khoa học và công nghệ sạch vào ứng dụng trong phát triển các ngành, nghề nhất là sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, tập trung vào những vấn đề cấp thiết theo đề xuất của các sở, ngành, địa phương.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến biến đổi khí hậu.

- Tham gia tư vấn, giới thiệu các ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm thay đổi cơ cấu cây trồng, nghiên cứu các giống mới, quy trình kỹ thuật mới nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp.

3. Chuẩn bị nguồn lực con người và tài chính:

a. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Tăng cường nâng cao nhận thức của cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên trách và các thành phần xã hội và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là cộng đồng dân cư dễ bị ảnh hưởng trực tiếp, dễ bị tổn thương trước các tác động của biến đổi khí hậu, tuyên truyền nâng cao nhận thức và cộng đồng về tăng trưởng xanh, các hiện tượng biến đổi khí hậu và các tác động của nó đến môi trường sống.

b. Xây dựng, triển khai chương trình giảng dạy về biến đổi khí hậu phù hợp với các yêu cầu của Thỏa thuận Paris trong hệ thống giáo dục, đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu có tiềm năng, phù hợp với điều kiện của tỉnh Gia Lai; rà soát, đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích nghiên cứu; chuyển giao công nghệ về biến đổi khí hậu; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, trao đổi công nghệ.

d. Xây dựng khung huy động nguồn lực cho biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bao gồm khu vực tư nhân; kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với Thỏa thuận Paris, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2017-2020.

đ. Đề xuất danh mục các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, chú trọng các dự án phát triển năng lượng tái tạo, huy động nguồn lực từ khối tư nhân, hỗ trợ quốc tế.

4. Thiết lập hệ thống công khai minh bạch (MRV).

a. Tham gia cùng các Bộ, ngành có liên quan định kỳ xây dựng thông báo thích ứng quốc gia bao gồm cả tiến độ đạt được mục tiêu thích ứng trong đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC).

b. Đẩy mạnh công tác điều tra tổng quát hiện trạng tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh, từ đó, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên thiên nhiên, xây dựng hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo giám sát biến động của tài nguyên, cung cấp kịp thời những thông tin cần thiết cho cơ quan quản lý Nhà nước.

c. Thực hiện lồng ghép các nội dung về khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng phát triển bền vững.

5. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, cơ chế:

a. Tiếp tục triển khai lồng ghép các vấn đề biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh vào trong các quy hoạch, kế hoạch, chương trình ưu tiên cho đầu tư phát triển của tỉnh.

b. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bảo đảm mỗi Sở, ngành, địa phương đều có đầu mối xử lý các vấn đề biến đổi khí hậu.

c. Tiếp tục kiện toàn, bổ sung nhiệm vụ quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu từ tỉnh đến huyện, xã nâng cao năng lực thực thi pháp luật. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ năng, kiến thức về quản lý đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu.

d. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia tư vấn, dịch vụ hỗ trợ việc triển khai nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu.

đ. Tăng cường điều phối giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai và các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên phổ biến, tuyên truyền về các nội dung liên quan đến biến đổi khí hậu, giảm nhẹ mức độ gia tăng phát thải khí nhà kính; giảm mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, kiềm chế tốc độ suy giảm đa dạng sinh học, ... thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

4. Căn cứ các nhiệm vụ trong Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện để có cơ sở đề nghị Trung ương, các tổ chức quốc tế hỗ trợ kinh phí thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động đề xuất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Kpã Thuyêñ



Phụ lục 1. Danh sách các nhiệm vụ, dự án liên quan đến BĐKH triển khai hàng năm

phần kèm theo Quyết định số: 788/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

	Tên nhiệm vụ	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt là các nguồn thải lớn tại các khu công nghiệp, các nhà máy sản xuất có lượng thải lớn; các hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản, hoạt động giao thông vận tải và xây dựng.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vi phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Công an tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
2	Kiểm tra xác định các khu vực bị ô nhiễm, ô nhiễm nghiêm trọng và xây dựng lộ trình xử lý; tổ chức cảnh báo và tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vi phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
3	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất của địa phương theo hướng bố trí quỹ đất cho các công trình xử lý rác thải, nước thải, hạ tầng kỹ thuật về môi trường	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vi phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Xây dựng và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x
4	Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của luật bảo vệ môi trường.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vi phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x

5	Đẩy mạnh công tác thu gom, xử lý bao bì hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chất thải nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vi phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
6	Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vi phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Xây dựng phối hợp với Công an tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x
7	Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh; tích hợp các nội dung về bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục các cấp học	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vi phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
8	Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông tiết kiệm năng lượng thân thiện với môi trường, loại bỏ dần các phương tiện tiêu tốn nhiều nhiên liệu	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vi phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Giao thông vận tải phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
9	Chú trọng thực hiện các hoạt động tuyên truyền, nâng cao năng lực, tăng cường khoa học - công nghệ và rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách thích ứng với công tác giảm nhẹ phát thải	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vi phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Giao thông vận tải phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x



	Kinh và tăng trưởng xanh trong các hệ thống giao thông vận tải của địa phương	hiện hành)			Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
10	Rà soát tình hình tiêu thụ nhiên liệu và thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong ngành công nghiệp chế biến.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vì phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Công thương phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
11	Rà soát đưa các khoa học công nghệ mới vào ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong điều kiện BDKH.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vì phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x

Phụ lục 2

Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai

kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-UBND, ngày 19/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai



LÍNH VỰC GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

1. Các nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn đến năm 2020

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
Xây dựng và thực hiện các đề xuất giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) và tăng tường xanh (TTX) phù hợp với điều kiện địa phương cho lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn					
1	Phối hợp xây dựng và phát triển thị trường các-bon và các cơ chế hợp tác khác về giảm nhẹ phát thải KNK trên địa bàn tỉnh	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vì phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể	2018-2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
2	Tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác phù hợp với tỉnh Gia Lai	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vì phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp	2018-2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
3	Xây dựng, bổ sung quy hoạch khuyến khích phát triển năng lượng mặt trời, năng lượng gió, sinh khối...	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vì phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách)	Sở Công thương phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và các doanh nghiệp	2018-2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x

		hiện hành			Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
4	Xây dựng và triển khai chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vì phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể	2018-2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
5	Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vì phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, các doanh nghiệp và chính quyền địa phương	2018-2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
6	Dự án FCPF - REDD+: Góp phần giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng, suy thoái rừng, tăng cường trữ lượng cacbon rừng, bảo tồn trữ lượng cacbon rừng và quản lý rừng bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế, an sinh xã hội gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo, phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (vì phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành)	Ban Quản lý dự án Lâm nghiệp - Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan	2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x

2. Các nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021-2030

Nhiệm vụ số	Nội dung nhiệm vụ	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
Thực hiện các công trình, dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác phù hợp với điều kiện địa phương					
1	Tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác phù hợp với tỉnh Gia Lai	Khuyến khích thực hiện (để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại)	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp	2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
2	Xây dựng và khuyến khích phát triển các dự án năng lượng mặt trời, năng lượng gió, điện sinh khối,...	Khuyến khích thực hiện (để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại)	Sở Công thương phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và các doanh nghiệp	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
3	Triển khai các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường trong xử lý chất thải, rác thải	Khuyến khích thực hiện (để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại)	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
4	Tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình về giảm phát thải khí nhà kính thông qua những nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý	Khuyến khích thực hiện (để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại)	Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan, đoàn	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x

	rừng bền vững và nâng cao khả năng hấp thụ cacbon của rừng.		thế		Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
5	Nghiên cứu xây dựng lộ trình chuyển đổi dần phương tiện GTVT, máy móc sử dụng xăng, dầu sang sử dụng điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng mặt trời.	Khuyến khích thực hiện (để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại)	Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và các doanh nghiệp	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
6	Nghiên cứu, sản xuất những vật liệu xây dựng sử dụng công nghệ xanh, công nghệ thân thiện với môi trường, sử dụng các chế phẩm được phép trong xây dựng và chất thải công nghiệp.	Khuyến khích thực hiện (để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại)	Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan	2025	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
7	Phát triển đồng bộ và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn năng lượng, nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất năng lượng từ các nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng mới.	Khuyến khích thực hiện (để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại)	Sở Công Thương phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan	2025-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
8	Thực hiện các giải pháp để giảm nhẹ phát thải KNK trong sản xuất nông nghiệp.	Khuyến khích thực hiện (để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại)	Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể	2025-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ: x

				Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
--	--	--	--	---




THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn đến năm 2020

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1	Rà soát thông tin, dữ liệu hiện có về thích ứng với BĐKH, tổn thất và thiệt hại; đề xuất thông tin, nghiên cứu bổ sung và phương thức quản lý, chia sẻ dữ liệu tạo thuận lợi cho xây dựng, cập nhật các báo cáo đóng góp của quốc gia về thích ứng với BĐKH.	Bắt buộc (theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris)	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016-2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
2	Thực hiện Chương trình mục tiêu thích ứng với BĐKH và tăng trưởng xanh.	Ưu tiên (đã được xác định trong Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ)	Các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016-2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
3	Đánh giá mức độ rủi ro do thiên tai do lũ,	Bắt buộc (theo yêu	Sở Nông nghiệp và	2016-2020	Ngân sách địa phương: x

	lụt, hạn hán và tính dễ bị tổn thương do BĐKH, xác định nhu cầu thích ứng và nhu cầu giải quyết các vấn đề liên quan đến thiệt hại đối với ngành nông nghiệp	câu của Thỏa thuận Paris)	Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
4	Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững.	Ưu tiên (đã được xác định trong Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016-2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
5	Thực hiện Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư.	Ưu tiên (đã được xác định trong Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016-2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
6	Thực hiện các hoạt động khác về thích ứng với BĐKH nhằm tăng khả năng chống chịu, bảo vệ cuộc sống và sinh kế cho người dân, tạo điều kiện để có đóng góp trong giảm nhẹ phát thải KNK.	Khuyến khích thực hiện (các dự án đã được phê duyệt; bảo đảm được nguồn lực hoặc để triển khai các nội dung Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 và Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ nhưng chưa được đề cập trong các nhiệm vụ từ	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016-2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x

	1 - 8 của nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020)		
	Nhiệm vụ giai đoạn 2021-2030		

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1	Xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch dân cư, cơ sở hạ tầng dựa trên kịch bản BĐKH có chú trọng đến các ngành và vùng trọng điểm.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: ODA
2	Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, lũ lụt, sạt lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Lao động và TB-XH, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: ODA
3	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông; tăng cường giải quyết các vấn đề liên quan đến nguồn nước; đảm bảo an ninh nguồn nước.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
4	Quản lý bền vững đảm bảo an toàn các	Ưu tiên tiếp tục	Sở Công thương phối	2021-2030	Ngân sách địa phương: x

	hồ, đập thủy điện, thủy lợi và xử lý các tấm Pin thái của các nhà máy năng lượng mặt trời.	thực hiện (Chiến lược quốc gia về BDKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
5	Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BDKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
6	Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tạo giống mới thích ứng với BDKH; hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BDKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
7	Rà soát, điều chỉnh và phát triển sinh kế vào quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện BDKH gắn với xóa đói, giảm nghèo, công bằng xã hội.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BDKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
8	Thực hiện Chương trình mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phòng	Ưu tiên tiếp tục	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2030	Ngân sách địa phương: x



	chống thiên tai, ổn định đời sống dân cư	thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
9	Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng, thông qua phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng kiến thức bản địa, ưu tiên cộng đồng dễ bị tổn thương.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
10	Xây dựng các cơ sở hạ tầng đô thị chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu; củng cố và xây mới các công trình cấp, thoát nước đô thị.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Sở Xây dựng phối hợp với các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
11	Thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành giao thông vận tải nhằm thực hiện NDC	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC)	Sở Giao thông vận tải phối hợp với các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp	2021-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
12	Cải tạo và xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội: y tế, trường học, dịch vụ thương mại công cộng.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp	Sở Xây dựng phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	2025-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x

		về thích ứng trong NDC)			
--	--	-------------------------	--	--	--


III. NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ NGUỒN LỰC

1. Chuẩn bị nguồn lực con người

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1.	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris ở địa phương	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH)	Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x
2	Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo lại cán bộ, viên chức, người lao động đáp ứng nhu cầu thực hiện Thỏa thuận Paris trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH)	Sở Nội vụ phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương	2018	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x
3	Xây dựng, triển khai chương trình giảng dạy về BĐKH phù hợp với các yêu cầu của Thỏa thuận Paris trong hệ thống giáo dục, đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Ưu tiên tiếp tục thực hiện (Chiến lược quốc gia về BĐKH)	Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2019	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x

2. Chuẩn bị nguồn lực công nghệ

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính

1	 <p>Đề xuất thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với điều kiện của tỉnh</p>	Ưu tiên thực hiện (để có tổng quan về nhu cầu công nghệ ứng phó với BĐKH)	Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
2	Đề xuất nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về BĐKH; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, trao đổi công nghệ.	Ưu tiên thực hiện (để có tổng quan về nhu cầu công nghệ ứng phó với BĐKH)	Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2020	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
3	Áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với BĐKH có tiềm năng và phù hợp với điều kiện của tỉnh	Ưu tiên thực hiện	Các Sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp	2019	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x

3. Chuẩn bị nguồn lực tài chính

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1	Xây dựng Khung huy động nguồn lực cho BĐKH và TTX bao gồm khu vực tư nhân; kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với Thỏa thuận Paris, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020.	Ưu tiên thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính	2018	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
2	Đề xuất danh mục các dự án ứng phó	Ưu tiên thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2018	Ngân sách địa phương: x


	với BDKH và TTX, Ưu tiên dự án thực hiện các cam kết trong NDC, có khả năng huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, chú trọng các dự án phát triển năng lượng tái tạo huy động nguồn lực từ khối tư nhân, hỗ trợ quốc tế.	(để huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước)	phối hợp với các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp		Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x
--	--	--	---	--	---

IV. NHIỆM VỤ THIẾT LẬP HỆ THỐNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH (MRV)

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1	Tham gia cùng các Bộ, ngành có liên quan định kỳ xây dựng thông báo thích ứng quốc gia bao gồm cả tiến độ đạt được mục tiêu thích ứng trong đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC)	Bắt buộc (theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris)	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2020, 2025, 2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x

V. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, THẺ CHẾ

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chiến lược ứng phó với BDKH, quy định giảm nhẹ phát thải KNK, TTX, thích ứng với BDKH phù hợp với các cam kết đóng góp của Việt Nam trong NDC, yêu cầu của quốc tế, kinh nghiệm thực hiện giai đoạn 2016-2020	Bắt buộc (theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris)	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương	2018	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x
2	Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh	Bắt buộc (theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris)	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với	2016-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương: x

	của tỉnh trên cơ sở khoa học và tính đến các yếu tố rủi ro bất ổn định của biến đổi	Paris)	các Sở, ban, ngành và các địa phương		ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
3	Long gặp vấn đề biến đổi khí hậu trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết kế công trình, cơ sở hạ tầng dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu. Thực hiện từng bước để đến năm 2030, hoàn thiện và ổn định các khu kinh tế bền vững, chống chịu an toàn với biến đổi khí hậu.	Bắt buộc (theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris)	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương	2016-2030	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x Doanh nghiệp, cộng đồng: x
4	Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bảo đảm mỗi sở, ngành, địa phương đều có đầu mối xử lý các vấn đề BĐKH	Bắt buộc (theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và công tác ứng phó BĐKH)	Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương	2018	Ngân sách địa phương: x Ngân sách đề nghị Trung ương hỗ trợ: x Hỗ trợ quốc tế: x

